TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày 28 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hụi, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: ấp TP, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Huy Hoàng trình bày: Trước đây, ông T và bà D làm chủ hụi, ông có tham gia chơi trong các dây hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 500.000đ, mở ngày 15/4/2020, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 30 phần, ông tham gia 05 phần. Dây hụi này đã mãn, nhưng vợ chồng ông T không giao tiền hụi cho ông là 62.500.000đ.

Dây hụi thứ hai: Loại hụi 1.000.000đ, mở ngày 25/8/2020, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 21 phần, ông tham gia 02 phần. Dây hụi này đã mãn, nhưng vợ chồng ông T không giao tiền hụi cho ông là 38.000.000đ.

Ngày 16/01/2021, ông T vay của ông số tiền 20.000.000đ.

Tổng số tiền ông T, bà D nợ ông là 120.500.000đ. Sau đó, ông T, bà D có trả cho ông được 14.000.000đ, còn nợ 106.500.000đ. Nay ông yêu cầu ông T và bà D trả số tiền 106.500.000đ.

Bà Phạm Thị D trình bày: Dây hụi 500.000đ, ông H có tham gia 05 phần, hốt 02 phần, còn lại 03 phần. Mỗi phần hụi bà nợ 12.500.000đ. Đối với dây hụi 1.000.000đ, ông H có tham gia 02 phần. Khi bể hụi, dây hụi đến kỳ thứ 11. Bà nợ ông H 22.000.000đ.

Vợ chồng bà có vay của ông H số tiền 20.000.000đ.

Tổng số tiền vợ chồng bà nợ ông H là 79.500.000đ. Vợ chồng bà có trả được số tiền 14.000.000đ, còn nợ lại số tiền 65.500.000đ.

Dây hụi 500.000đ, sổ theo dõi hiện nay bị hư. Bà chỉ nhớ, mỗi kỳ hụi hụi viên bỏ từ 250.000đ đến 270.000đ.

Dây hụi 1.000.000đ, sổ theo dõi hiện nay bị hư. Bà chỉ nhớ, mỗi kỳ hụi hụi viên bỏ từ 350.000đ đến 400.000đ.

Số tiền ông H yêu cầu là không đúng, nên bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi suất hụi và tính tổng số tiền nợ của vợ chồng bà bao nhiêu, bà đồng ý.

Đối với ông Dương Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa: Ông H yêu cầu ông T và bà D trả số tiền nợ hụi, vay sau khi đối trừ khoản tiền ông T, bà D đã trả là 65.500.000đ, bà D đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Huy H khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn Thum, bà Phạm Thị D trả tiền nợ hụi, tiền vay là vụ kiện tranh chấp hụi và vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hụi là thực tế có xãy ra. Nay ông H yêu cầu ông T, bà D trả số tiền còn nợ là 45.500.000đ, bà Duyên đồng ý. Xét thấy: Ông T, bà D là chủ hụi với vai trò bảo lãnh cho các hụi viên tham gia chơi hụi, còn ông H là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi, nếu có hụi viên hốt hụi xong mà không thực hiện

nghĩa vụ đóng hụi hoặc hụi bị đình hay bị bể thì với vai trò là chủ hụi ông T, bà D phải có nghĩa vụ trả tiền lại cho hụi viên hoặc đóng tiền thay cho hụi viên hốt xong mà không đóng lại tiền hụi. Như vậy, trong quá trình chơi hụi ông T, bà D đình hụi nên ông bà phải có nghĩa vụ trả tiền lại cho các hụi viên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông T, bà D có vay của ông H số tiền 20.000.000đ. Từ khi vay đến nay ông T, bà D không trả cho ông H khoản tiền nào. Nay ông H yêu cầu ông T và bà D trả số tiền vốn 20.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi, bà D đồng ý.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471; Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy Hg.

1. Buộc ông Dương Văn T và bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền 65.500.000 đồng (sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Nguyễn Huy H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu ông Dương Văn T và bà Phạm Thị D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T, bà D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 818.000 đồng (bà D có đơn xin giảm án phí được Ủy ban nhân dân xã Tân Trung xác nhận do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được xét giảm 50% tiền án phí phải chịu).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh